



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No
EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

Last Middle First
Current Address 230 Lạc Long Quân P.8 Quận Tân Bình Hồ Chí Minh City
Date of Birth Oct 10 - 1926 Place of Birth Đà Nẵng
Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates : From Sept. 19-1975 To Jan. 18-1982

3. SPONSOR'S NAME: _____

Name
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Nguyen Quyen
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Viet Anh	Oct. 20-1960	Son
Nguyen Tran Chu Cong	July 04-1966	"
Nguyen Tran Bich Nhi	Oct. 25-1968	Daughter
Nguyen Tran Van Binh	Oct. 04-1971	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

VIET NAM
2000

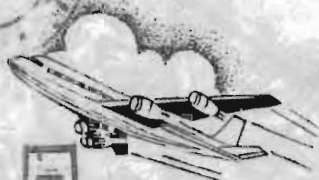
FROM: NGUYỄN QUYÊN
230 LẠC LONG QUÂN
PHƯỜNG 8, QUẬN TÂN BÌNH
Thành phố HỒ CHÍ MINH



VIET NAM
9720 đ



JAN 13 1989



PAR AVION VIA AIR MAIL ARLINGTON VA 22205-0635
U.S.A

TO: Madame KHUC MINH THO
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION PO BOX 5435
U.S.A

209

Montant de
Paffranchissement

89 - 10 hay
89 - 20 hay
Etiquette de 20
LD 20 ay 10 20
ph

408

NGƯỜI NHẬN
Destinataire

Mr. E. MC CARTHY
Chief, Department of Defense
1311 Springfield Ave. Suite 100
Washington, D.C.

Lãnh hóa giao ngân
Contre remboursement

Tổng lượng - 200

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN
VIỆT NAM

Office Général des
Postes et Télécommuni-
cations du Việt Nam

BB 32

Recevoir
CHIEU CỬ HUY PHAM CHI SO
CÓ HAY KHÔNG CÓ KHAI GIA

Re-expédition en envoi recommandé ou
avec valeur déclarée

Đơn này chỉ nhận trong vòng một năm tính từ ngày gửi.

Đơn này chỉ nhận trong vòng một năm tính từ ngày gửi.

NOTA

Réclamations

Elles sont reçues dans tous les bureaux de poste, mais de préférence au bureau expéditeur.

Elles sont admises que dans le délai d'un an à compter du jour du dépôt.

TP/Hồ Chí Minh, ngày 16-11-1988 -

Thính gọi: bà: KHÚC MINH-THO
Hội đồng hồ GĐTNCTVN
tại Hoa-Kỳ

Lề mục: Dơn nhò cam thiệp tước cấp LOI (letter
of introduction) để tước định cư tại Hoa Kỳ.
Chức là,

Còn tên là NGUYỄN-QUYÊN, Chứng minh
nhân dân số 022021830 cấp ngày 23-10-1984, hiện
thường trú tại số 230 Lạc Long Quân, Phường 8 (Phường cũ: 25)
quận Cầu Đất, TP/Hồ Chí Minh.

Còn trong buổi thư này đến xin nhò là
vui lòng cam thiệp cho tôi và 4 con tôi tước có LOI
để Chính Phủ Việt Nam cấp hộ chiếu cho chúng tôi
sang định cư tại Hoa Kỳ (thư thông cáo của Bộ Ngoại
Viễn Nam: những người chưa có LOI thì chưa cấp
hộ chiếu được).

A. - Lý lịch của tôi và gia đình:

Họ và tên: NGUYỄN-QUYÊN (nam)

Ngày và nơi sinh: 10-10-1926 tại Đà Nẵng.

Quê gốc sau cùng: Chơn tá Huê Huê gần tới VNCA.

Chức vụ cuối cùng: Quản trị viên Chi khu trưởng.

Số quân: 46/200966.

Ngày bị bắt đi cải tạo: 19-09-1975

Đến và từ tiền cải tạo gần: Quảng Ninh, Thanh Hóa, Xuân Lộc.

Ngày tước thả: 18-01-1982.

B. - Gia đình tôi xin đi theo:

Con: Nguyễn Việt Anh, sinh ngày 20-10-1960 tại Saigon.

Con: Nguyễn Trần Chí Công, sinh ngày 04-07-1966 tại Saigon.

Con: Nguyễn Trần Đình Thu (nữ) sinh ngày 25-10-1968 tại Saigon.

Con: Nguyễn Trần Thời Đông, sinh ngày 04-11-1975 tại Saigon.

C. - Xin thêm ý:

1. - Vào năm 1982, tôi đã có gọi cho ông John E Mc GARTHY
ordely departure program 131 Section, 6000 South Saturn
road Bangkok 10 Thailand đây từ hồ sơ để xin

ti Hoa Kỳ nhưng nơng tng chưa cấp LOI nà cũng
không trả lời gì cho tôi.

2) Vừa rồi, tôi có viết thư cho 1 người bạn của
tôi là ông Nguyễn Văn Phước 3231 Jean Brillant
Montreal Quebec H3T 2N1 tại Canada để
nhờ anh "hỏi" vợ, cái gì qua Hoa Kỳ nhưng cũng
không thấy trả lời.

3) Tôi không có gia cư hoặc thân nhân ở nước ngoài
nên không biết phải đi tìm ai giúp.

4) Hiện tại tôi hiện có 2 vợ chồng tôi và 6 con
nhưng vợ tôi sức yếu không làm được việc, con 2 con
là Nguyễn Đức và Nguyễn Thị Đỗ Bình Dao thì
tôi có gia đình riêng nên không đi. Chỉ còn lại
có tôi là Nguyễn Duyên và 4 con chưa có gia đình
là: Nguyễn Văn Hùng (nam) Nguyễn Trần Chí Công
(nam) Nguyễn Trần Đỗ Bình (nữ) và Nguyễn
Trần Thị Đỗ Bình (nữ) đi tìm ai tại Hoa Kỳ mới
được.

5) Trên trang kính nhờ bạn gửi thư giúp tôi
cho họ có đơn không có gia cư thân nhân ở
nước ngoài, và xin họ cho biết thời giờ gửi thư
trả lời cho tôi, tôi sẽ trả lại quả cảm, đồng tiền
chính thật của mình để bạn loan.

Danh Kèm:

- 2 bản Political prisoners registration form.
- 1 bản chụp biên lai số 408 của liên đoàn TP/HCM
mà tôi đã gửi họ số cho ông John E McCarthy.
- 2 bản sao giấy ra trại
- 8 bản sao giấy khai sinh của 4 con (Bình,
Công, Thị, Bình)
- 2 bản chụp giấy Đền Nhau đang ký đi
tìm ai ở Hoa Kỳ.

Kính thư,

Nguyễn Duyên

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Lưu giữ tên Tờ Điều Chính Tờ)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Chức vụ tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYỄN QUYÊN

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: man Date of Birth 10/10/1926 Place of birth Đã Nẵng, Quảng Nam

(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit Major in the army, District chief

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST:

(Giám giữ)

1. Date & Place of Arrest: 19 September 1975 to Saigon

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Quảng Nam, Thanh Hải and Xuân Lộc

(Tên các trại giam hoặc trại cải tạo)

3. Date of release or still in camps: release 18 January 1982

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children: Spouse: Trần Thị Hiền

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Children: Nguyễn Đức, Nguyễn Thị Bích, Đặng Nguyễn Việt Anh

Nguyễn Văn, Trần Thị, Nguyễn Văn, Trần Thị, Nguyễn Văn

3. Address of family: 230 Lạc Long Quân, Phường 8, Quận Tân Bình

(Địa chỉ gia đình)

Thành phố Hồ Chí Minh

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: _____ Occupation: _____

(Họ và tên)

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number: _____

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: _____

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in USA: Permanent resident ☐ US citizen ☐

(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)? Yes ☐ No ☐

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Date: 16 November 1988

(Ngày, tháng, năm)

P. O. BOX 135

WESTMINSTER, CALIF.

92604 0075

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

Nguyễn Quyên

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYỄN QUYÊN
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: male Date of Birth 10/10/1946 Place of birth Đà Nẵng, Quảng Nam
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit Major in the army, District Chief
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 19th September 1975 to Saigon
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps Quảng Ninh, Phaul Thai and Tuân Lộc
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: release 18th January 1982
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: Spouse: Trần Thị Trần
(Nếu có vợ chồng, xin điền tên người vợ/chồng và con cái)
Children: Nguyễn Bảo, Nguyễn Huy, Nguyễn Văn, Nguyễn Việt Anh
Nguyễn Văn, Nguyễn Văn, Nguyễn Văn, Nguyễn Văn, Nguyễn Văn, Nguyễn Văn, Nguyễn Văn, Nguyễn Văn
3. Address of family: 130 Lạc Long Quân, Phường 8, Quận Tân Phú, Hồ Chí Minh City
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: _____ Occupation: _____
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: _____
(Địa chỉ và điện thoại)
3. Relationship with detainee _____
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☐ US citizen ☐
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho người đang bị giam giữ không?) Yes ☐ No ☐

Date 16th November 1988
(Ngày, tháng, năm)

P. O. BOX 635
WESTMINSTER, CALIF.
92684 0635

Signature of applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

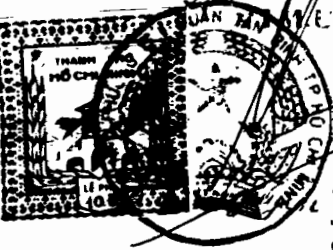
Nguyễn Quyên
Nguyễn Quyên

Số: 5222/88

CHỨNG NHẬN SƠNG Y BẢN CHÍNH

XUẤT TRÌNH TẠI U.B.N.D PHƯƠNG B

Ngày 18 Tháng 11 Năm 88



U.B.N.D P.B
TL CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

Đi Tịch Anh
CÔNG AN Q. TÂN BÌNH

Số: 420 / BN SQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

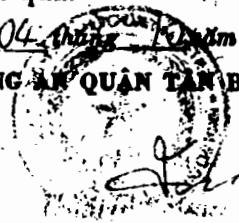
BIÊN NHẬN

- Họ và tên: NGUYỄN QUYÊN
- Địa chỉ: 230 Lạc Long Quân F 25
- Có nộp hồ sơ XC đi: Mỹ
- Hồ sơ gồm có: Bản sao

Hẹn Ông, Bà chờ thông báo kết quả.

Tân Bình, ngày 04 tháng 12 năm 1988

PHÓ CÔNG AN QUẬN TÂN BÌNH



Số: 522/86
CHUNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
KHUẤT TRÌNH TẠI QUẢN LÝ THƯỜNG 8

Số: 1730/88
CHUNG NHẬN GIỒNG Y BẢN CHÍNH

KUẤT TRÌNH TẠI QUẢNG TRƯỜNG 8

Ngày 18/

TL. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

CÔNG AN Q. TÂN BÌNH

88: 420 / BN SQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Truyện Chi Ngọc Nữ

BIÊN NHÂN

— Họ và tên: NGUYỄN QUYÊN

— Địa chỉ : 230 Lạc Long Quân F 25

— Có nộp hồ sơ XC đi: Mi

— Hồ sơ gồm có : bản sao

Họn Ông, Bà chờ thông báo kết quả.

Tân Bình, ngày 04 tháng 10 năm 1988

PHÓ CÔNG AN QUÂN TÂN BÌNH

THEIR OWNERS

9/9/64

17-28/1

Đoàn Hồ Chí Minh
Đoàn Thanh niên
Số 154/GR1
(62)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

0 0 1 1 7 6 3 0 2 5 2

SMSLD

GIẤY RA TRẠI

Số tình nguyện
2 TBQL Tân Bình
12-82
2-82

Chức vụ: Số 766. BSA/TT ngày 31-5-81 của Đoàn Hồ Chí Minh
Thị trấn an văn, quyết định của Số 04/00 ngày 05 tháng 01-1982
của Đoàn Hồ Chí Minh

Họ, tên thật của anh, chị có tên sau đây:
Họ, tên thật: Sinh
Họ, tên thường gọi:
Họ, tên bí danh:

Sinh ngày... tháng... năm 1926
Hội sinh... Quảng Nam

Thành phố HỒ CHÍ MINH
Ban quản lý người HTCT được về
Đã được cấp giấy 28 tháng 1 năm 1982
Quản chi 12 tháng
Số tài khoản tiền lương 7709

Hội đồng kỷ niệm thường trú trước khi bị bắt: Long thời, Phu Long,
Lưu Khưu, Công Đức

Chức vụ: Chính trị, Chi khu trưởng, quân trưởng.

Đi lại ngày 19/09/1975 An phát TTCT

Chức vụ: Chính trị an văn số 1 ngày... tháng... năm... của...

Đã bị bắt an... lần, công thành... năm... tháng...

Đã được giảm an... lần, công thành... năm... tháng...

Hiện về củ trú tại: 230 Lạc Long Quân, P.25, quận Tân Bình, TP/HCM.

Quê nhà: 12 tháng
Chức vụ: 17t 50

Ngày 18 tháng 01 năm 1982

Chức vụ: Chính trị
Chức vụ: Chính trị
Chức vụ: Chính trị
(Ký tên và đóng dấu)

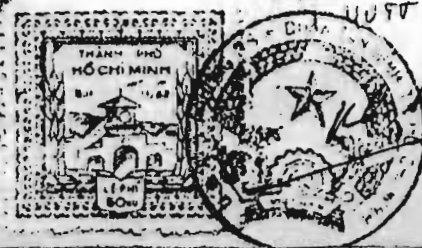
Số: 748/89/UP

SÁO Y BAN CHANH

Ngày 18 tháng 01 năm 1982

TM/UBND PHƯỜNG 25

Lần đầu tiên đi trại
của Nguyễn Văn...
Lần đầu tiên đi trại
Lần đầu tiên đi trại



Nguyễn Văn Bình

9/9/65

17-28/1

Đoàn Hồi vụ
Đoàn Nhân lực
Số 154/ĐK1
(62)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

0 0 1 1 7 6 3 0 2 5 2
SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Số 154/ĐK1
T. T. H. L. Tân An
12-82
3-82

Cho Công ty số 966. BSA/TT ngày 31-5-81 của Đoàn Hồi vụ:
Chí hành an văn, quyết định thu số 04/82 ngày 05 tháng 01-1982
của Đoàn Hồi vụ:

Hãy cấp giấy thu cho anh chị có tên sau đây:
Họ, tên khai sinh: Nguyễn Xuân

Họ, tên thường gọi:
Họ, tên b. sinh:

Sinh ngày... tháng... năm 1926
Hội sinh: Đoàn Nam

Hội đảng lấy nhận lãnh thường trú trước khi bị bắt: Long thời, Thủ Long,
Tân Kiên, Công An.

Cần tới: Chi khu tá Chi khu trưởng, quân trưởng.

Bị bắt ngày 19/09/1975 An phát TTCT

Cho quyết định an văn số... ngày... tháng... năm... của...

Đã bị... lần, công thành... năm... tháng...

Đã được... lần, công thành... năm... tháng...

Hãy về củ trú tại: 230 Lạc Long quân, P.25, quận Tân Bình, TP/HCM.

Đã... 12 tháng
-Gửi cấp đi... 17ct 50

Thành phố Hồ Chí Minh
Ban quản lý người HTCT được về
Đã... ngày 28 tháng 1 năm 1982
Đã... 12 tháng
Đã... ngày... tháng... năm... 7709



Lần này...
của...
Lần...
Lần...
Lần...

Họ tên, chủ ký
người được cấp giấy
Nguyễn Xuân (Ký tên)

Ngày 18 tháng... năm 1982
Gram...
Long tá...
(Ký tên và đóng dấu)

Số: 745/89/UP
SAO Y BÀN CHANH
Ngày... tháng... năm 82
T.M/UBND PHƯỜNG 25

Nguyễn Văn Bình

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Huế

Lập ngày 25 tháng II năm 19 60

PHƯỜNG /

Số hiệu: 4953



Tên họ đứa trẻ. . . .

Nguyễn Việt Ánh

Con trai hay con gái. .

Nam

Ngày sanh.

Hai mươi tháng mười một năm một ngàn
chín trăm sáu mươi, 21 giờ 32

Nơi sanh.

Saigon, 169 Phan Thanh Giản

Tên họ người cha. . .

Nguyễn Quyền

Tên họ người mẹ. . .

Trần thị Tiên

Vợ chánh hay không
có hôn-thú.

Vợ chánh

Tên họ người

Nguyễn Quyền

Số: 3731/54/14
CHUNG NHẬN GIỜNG Y BẢN CHÍNH
Xuất trình tại UBND PH. 21
Ngày 13 tháng 9 năm 19 73
T.M. UBND PHƯỜNG 15

PHÓ CHỦ TỊCH



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 21 tháng 6 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch,

[Handwritten signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Nhứt

Lập ngày 25 tháng II năm 19 60

PHƯỜNG /

Số hiệu: 4953

Tên họ đứa trẻ.	Nguyễn Việt Ánh
Con trai hay con gái.	Nam
Ngày sanh.	Hai mươi tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi, 21/10/32
Nơi sanh.	Saigon, 169 Phan Thanh Giản
Tên họ người cha.	Nguyễn Quyền
Tên họ người mẹ.	Trần thị Tiên
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ chánh
Tên họ người	Nguyễn Quyền

10

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 21 tháng 6 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch,

[Signature]

Số: 3791/54/84

CHUNG NHẬN GIẤNG Y BẢN-CHÍNH

Kiểm trình tại Ủy ban Hoàng

Ngày 13 tháng 9 năm 19 73

T.M. Đ. B. S. PHUONG 25

PHÓ CHỦ TỊCH



NAM - PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN I

Số hiệu : 3003

HỘ - TỊCH

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)



Tên, họ đứa nhỏ	NGUYỄN TRẦN CHÍ CONG
Phái	Con
Ngày sanh	Bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, 1966
Nơi sanh	Saigon, 169 đường Phan thanh Giản
Tên, họ người Cha	Nguyễn Quyền
Tuổi	Bốn mươi
Nghề-nghiệp	Buôn bán
Nơi cư-ngụ	Saigon, 6, 2/49 đường Phan thanh Giản
Tên, họ người mẹ	Trần thị Tiên
Tuổi	Ba mươi sáu
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 6, 2/49 đường Phan thanh Giản
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Số: 5222/88
 CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN QUÊ
 XUẤT TRÌNH TẠI U.B.N.D PHƯƠNG
 Ngày 28 tháng 1 Năm 1966
 T.M.U.B.N.D P.8



Nguyễn Chí Thanh

Lập tại Saigon, ngày 9 tháng 7 năm 1966

1966



TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :

Saigon, ngày 19 tháng 7 năm 1966

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN I

NGUYỄN THÀNH-HƯƠNG

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòa Hành - Chánh Quận I

Số hiệu : 3003

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

6

Năm một ngàn chín trăm ~~bảy mươi sáu~~ **sáu mươi sáu (1966)**

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn Trần Chí Công
Phái	Nam
Ngày sinh	Bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, 16/10/32
Nơi sanh	Saigon, 169 Phan thanh Giản
Tên, họ người Cha . . .	Nguyễn quyền
Tuổi	40
Nghề-nghiệp	Buôn bán
Nơi cư-ngụ	Saigon, 682/49 Phan thanh Giản
Tên, họ người Mẹ . . .	Trần thị Tiên
Tuổi	36
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 682/49 Phan thanh Giản
Vợ chánh hay thứ . . .	Vợ chánh

Lâm tại Saigon, ngày 9 tháng 7 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH :

: 1971

Saigon, ngày 1 tháng 10 năm 1971

T.Đ. QUÂN-TRƯỞNG QUÂN I



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH

QUẬN

XÃ

ẤP

~~Kiến Bình~~ Kiến Bình-Dương

Lối-thiếu

Tân-thời

☆

BỘ TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

XÃ ~~Tân-thời~~

Năm: 1.968

Số hiệu: 494



Tên họ ấu-nhì	Nguyễn-Trần Bích-thu
Nam hay Nữ	Nữ
Ngày sanh	Ngày 15 tháng 10 năm 1968
Nơi sanh	Tân-thời
Tên họ người cha	Nguyễn-quyển
Nghề nghiệp	thợ-kỹ-kế-toán
Nơi cư ngụ	Thị-Gòn
Tên họ người mẹ	Trần-thị-liên
Nghề-nghiệp	thợ may
Nơi cư ngụ	Thị-Gòn
Vợ chánh hay thứ	Chánh.

Nhận thực chữ ký của Ông Chủ tịch kiêm Ủy viên
Hộ tịch Xã

ngày tháng năm

Số: 5222/88

CHỨNG NHẬN CÔNG Y BẢN CHÍNH

XUẤT TRÌNH TẠI L. B. N. D. PHƯỜNG 8

Ngày 18 tháng 11 năm 88

T.M. U. B. N. D. P. 8

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH

ngày tháng năm 1968
CHỦ TỊCH H. B. U. Y. VIÊN HỘ TỊCH



Nguyễn-Văn-Bang.



T. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN TH. Y.

Nguyễn Thị Ngọc Anh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH

QUẬN

XÃ

ẤP

~~LÃNH-ĐIỀU~~ Bình-Dương

~~LÃNH-ĐIỀU~~

Tân-Thới

BỘN TRÍCH LỤC

BỘ KHAI-SANH

XÃ ~~Tân-Thới~~

Năm : 1.968

Số hiệu : 494



Tên họ đủ - nhĩ	Nguyễn-Trần Bích-Thu
Nam hay Nữ	Nữ
Ngày sanh	Ngày 15 tháng 10 năm 1968
Nơi sanh	Tân-Thới
Tên họ người cha	Nguyễn-Trần
Nghề nghiệp	Thợ-kỹ-kế-toán
Nơi cư ngụ	Hải-Gòn
Tên họ người mẹ	Trần-Thị-Hiền
Nghề-nghiep	Thợ may
Nơi cư ngụ	Hải-Gòn
Vợ chánh hay thứ	Chánh.

Nhận thực chữ ký của Ông chủ tịch kiêm Ủy viên
Hộ tịch Xã
ngày tháng năm

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH

Tân-Thới ngày 1 tháng 8 năm 1968
CHỦ-TỊCH-KIỆM-ỦY VIÊN HỘ TỊCH

Số: 4361/88

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Kiểm trình tại UBND Phường 25

Ngày 03 tháng 10 năm 1988

TẠI UBND PHƯỜNG 25

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỮU BÌNH



Nguyễn-Văn-Sang.

ĐO. THANH SAIGON

Tòa Môn - Chánh Quận 3

Số hợp: 8502

VIỆT-NAM : CỘNG-HÒA

HỢP TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (1971)



Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn-Trần Thới-Bình
Phái	Nam
Ngày sanh	Bốn tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi một, 17 giờ 15
Nơi sanh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha	Nguyễn Quyền
Tuổi	Bốn mươi lăm
Nghề-nghiệp	quân nhân
Nơi cư-ngụ	Bìnhđương, 132/2 Lái Thiêu
Tên, họ người mẹ	Trần thị Tiên
Tuổi	Bốn mươi một
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Bìnhđương, 132/2 Lái Thiêu
Vợ-chính hay thứ	Vợ chính

Số: 5222/88
CHUNG NHÀ GIỚI Y BẢN CHÁNH
XUẤT TRÌNH TẠI U.Đ. N.Đ. PHƯỜNG 1
Ngày 18 Tháng 11 Năm 1971
T.M. L. N. Đ. P. B.



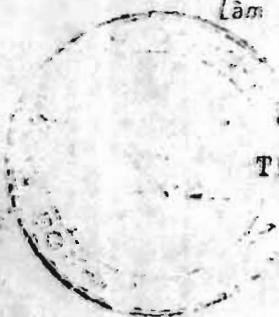
Làm tại Saigon, ngày 6 tháng 11 năm 1971

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH: H10

Saigon, ngày 11 tháng 11 năm 1971

TL. QUẢN TRỊ TỔNG QUẢN ĐẠ

[Handwritten signature]



ĐO - THANH SAIGON

Tòa Môn - Chánh Quận 3

Số hiệu: 8502

VIỆT - NAM : CỘNG - HÒA

HỘ TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (1971)



Số: 9222/SV

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN QUÂN

XUẤT TRÌNH TẠI Đ. B. N. D. PHƯỜNG 3

Ngày 18 tháng 11 năm 1971

T. M. U. E. N. D. P. B.

T. L. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THƯỜNG



Nguyễn Thị

Tên, họ đứa nhỏ.....	Nguyễn-Trần Thới-Bình
Phái.....	Nam
Ngày sanh.....	Bốn tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi một, 17 giờ 15
Nơi sanh.....	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha.....	Nguyễn Quyền
Tuổi.....	Bốn mươi lăm
Nghề-nghiệp.....	quân nhân
Nơi cư-ngụ.....	Bìnhđương, 132/2 Lái Thiêu
Tên, họ người mẹ.....	Trần tại Tiên
Tuổi.....	Bốn mươi một
Nghề-nghiệp.....	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.....	Bìnhđương, 132/2 Lái Thiêu
Vợ chánh hay thứ.....	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 6 tháng II năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH: H10

Saigon, ngày II tháng II năm 1971

TL. QUẢN TRƯỞNG QUÂN BA



Handwritten signature.

CH. M. N. H.

C O N T R O L

____ Card
____ ~~*~~ Doc. Request; Form 6/1/89 for
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter